**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 10**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**Tiết: Luyện tập**

**T69. TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM. CÂU KHIẾN**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức , kĩ năng**

- Tìm được từ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ. Nhận biết được câu khiến ( nêu được dấu hiệu nhận biết); đặt được câu khiến trong cá tình huống khác nhau.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua bài thơ.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bà và những người thân qua bài thơ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học.**

- Máy soi, PBT

**III. Hoạt động dạy học.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3-5’)** |
| - GV tổ chức trò chơi “ Em yêu truyện cổ nước mình “ để khởi động bài học.+ Em đã làm những việc gì để thể hiện tình cảm yêu thương đối với người thân của em?- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi.- HS lắng nghe. |
| **II. Hoạt động luyện tập, thực hành (26-28’)** |
| **Bài 1: Tìm từ chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ dưới đây:****-** Gv nhấn mạnh yêu cầu - Yêu cầu H làm PBT* HS trình bày trước lớp.

- GV soi bài - GV nhận xét, chốt đáp án: dịu dàng, đảm đang, tần tảo, vụng về* GV giải nghĩa: đảm đang, tần tảo

-Gv và hs nhận xét, chốt: Từ chỉ đặc điểm là những từ ngữ chỉ tính cách, tính nết,..của sự vật. | * HS đọc yêu cầu của bài

- HS đọc thầm đoạn thơ- 2 HS đọc trước lớp- Nhóm đôi trao đổi tìm từ chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ- H trình bày-HS tìm thêm từ chỉ đặc điểm khác |
| **Bài 2: Ghép mỗi câu sau với kiểu câu thích hợp****-** Gv nhấn mạnh yêu cầu * GV nhắc lại công dụng của câu kể, câu cảm, câu khiến.
* HS trả lời trước lớp
* Gv và HS chốt câu trả lời đúng:

*Chị xóa dòng...(câu khiến)**A, bố rất đẹp...(câu cảm)**Chị cắm cúi viết.......(câu kể)*- Gv và hs nhận xét – tuyên dương | -HS đọc yêu cầu của bài* HS đọc từng câu và đối chiếu với 3 kiểu câu để chọn câu phù hợp.
 |
| **Bài 3: Nêu dấu hiệu nhận biết câu khiến*** Gv nhấn mạnh yêu cầu
* GV cho HS đọc, phân tích câu khiến ở bài tập 2.
* HS đại diện trình bày trước lớp.

- GV và HS chốt đáp án: Cuối câu có dấu chấm than và có từ “đi”* Gv nhận xét, chốt: Câu khiến là câu nêu yêu cầu, đề nghị của người nói. Trong câu thường có các từ: hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào, nhé,...
 | * HS đọc yêu cầu bài tập 3
* Hs làm việc cá nhân
* HS trao đổi theo nhóm 2: Tìm dấu hiệu nhận biết câu khiến trong câu trên.
* Hs nhận xét
 |
| **Bài 4: Sử dụng các từ *hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào, nhé*  để đặt câu khiến trong mỗi tình huống dưới đây:*** GV và HS cùng phân tích:

+ 1 HS đọc tình huống+ 2 HS đọc câu mẫu+ Gv nêu câu hỏi- HS trả lời mẫu* GV hướng dẫn Hs làm bài cá nhân vào vở

- Gv soi bài chữa bài trên bảng lớp.- Gv và hs nhận xét khen ngợi HS làm bài đúng. Chốt lại nội dung cần nhớ trong bài học.**III. Củng cố - Vận dụng** * Em học được gì qua giờ học?
* NX, đánh giá tiết học
 |  -Hs đọc lại yêu cầu của bài và các tình huống, đặt câu với mỗi tình huống.* Hs làm vào vở .
 |